

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /NQ-HĐND

Yên Hòa, ngày 30 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách địa phương năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ YÊN HÒA KHÓA III, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Xét đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 444/TTr-UBND ngày 19/3/2026 về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 24/3/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước:	182.669.553.416 đồng.
Trong đó:	
I. Thu ngân sách cấp xã:	137.664.419.392 đồng.
1. Thu nội địa được hưởng theo phân cấp:	27.095.512.650 đồng.
2. Các khoản huy động đóng góp:	0 đồng.
3. Thu chuyển nguồn:	3.440.631.300 đồng.
4. Thu kết dư ngân sách năm trước:	377.832.637 đồng.
5. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	106.750.452.805 đồng.
- Thu bổ sung trợ cấp cân đối:	74.497.500.000 đồng.
- Thu bổ sung trợ cấp có mục tiêu:	32.252.952.805 đồng.
II. Tổng chi ngân sách xã:	137.411.929.765 đồng
1. Chi cân đối ngân sách:	121.262.455.313 đồng.
- Chi Đầu tư phát triển:	17.830.155.519 đồng.
- Chi thường xuyên:	103.432.299.794 đồng.
2. Chi nộp ngân sách cấp trên	347.000.000 đồng.
3. Chi chuyển nguồn sang năm sau:	15.802.474.452 đồng.

III. Kết dư ngân sách năm 2025:**252.489.627 đồng.***(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)***Điều 2. Tổ chức thực hiện:****1. Ủy ban nhân dân xã:**

a) Thực hiện công khai quyết toán ngân sách theo quy định; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đơn đốc, kiểm soát chặt chẽ số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 của các đơn vị, bảo đảm đúng nhiệm vụ chi được chuyển nguồn theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

b) Tăng cường công tác chỉ đạo, đơn đốc và nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước trong lĩnh vực ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa III, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XII;
- Thường trực Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Đình Hải

CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 30 /3/2026 của HĐND xã Yên Hòa)

ĐVT: Đồng

Phần thu	Thu NS cấp xã	Phần chi	Chi NS cấp xã
TỔNG SỐ THU	137.664.419.392	TỔNG SỐ CHI	137.411.929.765
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	137.664.419.392	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	137.411.929.765
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	41.874.826	1. Chi đầu tư phát triển	17.830.155.519
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	27.053.637.824	2. Chi thường xuyên	103.432.299.794
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	106.750.452.805	3. Chi nộp ngân sách cấp trên	347.000.000
- Thu bổ sung cân đối ngân sách	74.497.500.000	4. Chi chuyển nguồn sang năm sau	15.802.474.452
- Thu bổ sung có mục tiêu	32.252.952.805		
4. Thu kết dư ngân sách năm trước	377.822.637		
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	3.440.631.300		
Kết dư ngân sách năm quyết toán	252.489.627		



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 30 /3/2026 của HĐND xã Yên Hòa)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND xã phê chuẩn		Quyết toán thu NSNN		% TH Thu NSNN xã giao	% TH xã hưởng
		Thu NSNN	Xã hưởng	Thu NSNN	Xã hưởng		
	TỔNG THU NSNN	125.370.158.555	106.447.103.000	182.669.553.416	137.664.419.392		
A	Thu nội địa	33.346.555.555	14.423.500.000	71.888.646.674	27.095.512.650	216%	
I	Các khoản thu 100%	55.000.000	55.000.000	41.874.826	41.874.826		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55.000.000	55.000.000	41.874.826	41.874.826	76%	76%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	33.291.555.555	14.368.500.000	71.846.771.848	27.053.637.824		
1	Thu từ khu vực Ngoài Quốc doanh	770.000.000	276.000.000	8.332.741.989	605.848.783	1082%	220%
2	Thuế Thu nhập cá nhân	934.000.000		3.521.183.727		377%	
3	Lệ phí trước bạ	1.560.000.000	448.000.000	3.788.297.267	1.049.073.821	243%	234%
4	Các loại Phí, lệ phí	97.000.000	71.000.000	155.966.578	108.387.578	161%	153%
5	Thu tiền sử dụng đất	29.555.555.555	13.300.000.000	54.985.952.751	24.743.678.756	186%	186%
6	Tiền thu mặt đất, mặt nước	145.000.000	43.500.000	651.145.649	195.343.707	449%	449%
7	Thu khác ngân sách	230.000.000	230.000.000	411.483.887	351.305.179	179%	153%
B	Thu bổ sung từ NS cấp trên	88.205.149.000	88.205.149.000	106.750.452.805	106.750.452.805	121%	121%
1	Bổ sung cân đối ngân sách	74.499.950.000	74.499.950.000	74.497.500.000	74.497.500.000	100%	100%
2	Thu bổ sung mục tiêu	13.705.199.000	13.705.199.000	32.252.952.805	32.252.952.805	235%	235%
C	Thu chuyển nguồn	3.440.631.000	3.440.631.000	3.440.631.300	3.440.631.300	100%	100%
D	Thu kết dư ngân sách	377.823.000	377.823.000	377.822.637	377.822.637		
E	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			212.000.000			



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **10** /NQ-HDND ngày **30** /3/2026 của HDND xã Yên Hòa)

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Dự toán HDND xã quyết định	Quyết toán chi NS xã	So sánh (%)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A + B)	106.447.103.000	137.411.929.765	129%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	106.447.103.000	121.609.455.313	114%	
I	Chi đầu tư phát triển	16.103.275.864	17.830.155.519	111%	
1	Chi chương trình, dự án theo lĩnh vực	16.103.275.864	17.830.155.519	111%	
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.387.000.000	6.761.233.000	106%	
-	Chi Văn hóa thông tin	66.996.000	66.996.000	100%	
-	Chi các hoạt động kinh tế	7.726.279.864	7.805.487.955	101%	
-	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.923.000.000	3.196.438.564	166%	
II	Chi đầu tư phát triển khác	2.010.000.000			Hạch toán vào các sự nghiệp chi thường xuyên
III	Chi thường xuyên	85.320.432.289	103.432.299.794		
-	Chi quốc phòng	1.702.000.000	1.605.564.248	94%	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.132.440.000	1.279.331.400	113%	
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	43.738.818.000	44.302.757.200	101%	
-	Chi Y tế, dân số và gia đình	327.288.000	1.109.051.500	339%	
-	Chi Văn hóa thông tin	255.500.000	344.984.650	135%	
-	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	205.000.000	278.770.000	136%	
-	Chi Thể dục thể thao	41.100.000	41.100.000	100%	
-	Chi Bảo vệ môi trường	396.600.000	419.977.600	106%	
-	Chi các hoạt động kinh tế	4.356.000.000	4.667.169.253	107%	
-	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	24.680.834.289	40.324.421.443	163%	
-	Chi đảm bảo xã hội	8.405.852.000	9.059.172.500	108%	
-	Chi khác ngân sách	79.000.000			Hạch toán vào các sự nghiệp chi thường xuyên
III	Nộp lên NS cấp trên	188.000.000	347.000.000	185%	
IV	Nguồn mục tiêu	1.523.964.847			Hạch toán vào chi đầu tư, thường xuyên các sự nghiệp ở trên
V	Nguồn chuyển nguồn	58.607.000			
VI	Nguồn kết dư	377.823.000			Hạch toán chi đầu tư Hoạt động kinh tế
VII	Tính hỗ trợ tổ chức đại hội Đảng	500.000.000			Hạch toán vào các sự nghiệp chi thường xuyên
VIII	Chi dự phòng	365.000.000			Hạch toán vào các sự nghiệp chi thường xuyên
B	CHI CHUYÊN NGUỒN		15.802.474.452		